

**TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**MẤY SUY NGHĨ VỀ TÔN GIÁO  
VÀ LỄ HỘI HIỆN NAY**

ĐỖ QUANG HUNG<sup>(\*)</sup>

**Đặt vấn đề**

Chưa bao giờ như những năm gần đây vấn đề lễ hội lại thu hút sự quan tâm sâu rộng của đời sống xã hội đến như thế. Đường như một xã hội tục hóa kiểu vô thần thái quá, ít nhất trước những năm 1990, nay trong điều kiện cởi mở, đổi mới, thông thoáng về chính sách kinh tế, xã hội và văn hóa khiến cho con người được quay trở lại với thế giới tinh thần nội tâm, trong mỗi con người, mỗi gia đình và toàn xã hội khiến cho một bầu không khí tâm linh xã hội tưởng như đã mất đi nay phục hồi phát triển một cách ô ạt như không có gì cưỡng nổi. Và những năm gần đây “mặt trái của sự bay bổng” đã bộc lộ, từ lối trình diễn lễ hội một cách thái quá, sự can thiệp của các lợi ích trần tục làm thui chột ý nghĩa thiêng liêng của “lễ”; sự lấn át một cách lộ liễu của những hành vi mê tín dị đoan khiến cho không ít người đã phải thốt lên “lâu nay tôi không đi hội”<sup>(1)</sup> với lí do: “các lễ hội hiện nay có phần hơi ít yếu tố văn hóa, hoặc đúng hơn đó chỉ là văn hóa ở dạng thấp...”.

Mục đích bài viết này muốn đi sâu về phương diện tôn giáo học để cắt nghĩa hiện tượng phổ biến mà không đơn giản này nhằm một mặt, cắt nghĩa những nguyên nhân sâu xa của sự biến thái ấy

của các lễ hội; mặt khác, cũng thử đưa ra những kiến nghị giải pháp để có thể gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa tâm linh đích thực của lễ hội, hạn chế, khắc phục những lệch lạc của tình hình lễ hội nói trên.

**1. Lễ và hội: Vai trò của tâm linh - tôn giáo trong cấu trúc truyền thống của lễ hội**

**1.1. Lễ và hội: Một phạm trù cặp đôi**

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, sự hình thành các lễ hội trong lịch sử bao giờ cũng là sự thống nhất của hai yếu tố “lễ” (tâm linh - tôn giáo) và “hội” (sự biểu đạt của tình cảm cộng đồng). Lễ phải có hội thì mới cuốn hút, hội phải có lễ thì mới linh thiêng và quan trọng không kém là sự đi vào nền nếp quy chuẩn. Hơn thế nữa, với các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng nếu không có lễ hội (được hiểu như một nghi thức - rites) thì cũng khó có thể tạo nên những hình thức tôn giáo, tín ngưỡng. Lễ hội là thứ ngôn ngữ hành động của cộng đồng, làm phong phú, sinh động hơn những ý tưởng trong các kinh điển tôn giáo, nó cuốn hút con người, ăn sâu vào tâm thức tôn giáo

\*. GS.TS., Khoa Chính trị học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

1. Vương Trí Nhàn. *Thế giới và Việt Nam*, số 17, ngày 10/3 đến 16/3/2007.

cũng như tình cảm nói chung của quần chúng, trước hết là tín đồ các tôn giáo ấy.

Với văn hóa dân gian, lễ hội còn đóng vai trò gần như là “xương sống”, vì đó là hình thức xả phóng tâm lí, tình cảm của cộng đồng, *cái thiêng* đi liền với *niềm vui trần tục*, một không gian thiêng luôn được tái lập trong những khoảnh khắc của thời gian thiêng.

Thường thì, ngoài những lễ hội thông thường (rất phổ biến là lễ hội nông nghiệp) những lễ hội mang đậm tính tôn giáo, con người càng có khả năng trút bỏ được gánh nặng của thế giới trần tục, tăng thêm khả năng “hiệp thông” với thần linh, với các đẳng bậc thánh thiện thiêng liêng. Con người tìm thấy những niềm tin siêu nhiên trong các lễ hội, được gần lại với các nhân vật xa xưa, những thế giới huyền thoại. Chính vì thế, ngay trong các lễ hội, hội làng được tổ chức sau khi tế lễ thành hoàng, các trò chơi, các cuộc đua vui cũng pha chút sắc thái tín ngưỡng tôn giáo. Vì thế, trong phần lớn các lễ hội luôn phẳng phất những hành vi tôn giáo, những cử chỉ lễ lạy nghiêm trang thành kính, với những khám phá tâm linh trải nghiệm “siêu hình” mà gần gũi, quyến rũ.

Cũng với ý nghĩa đó, nhiều lễ hội thường gắn với các *cuộc hành hương*. Tất nhiên, với các tôn giáo, các cuộc hành hương có ý nghĩa sâu sắc và khác hơn khi tín đồ các tôn giáo thực hiện các hành vi tôn giáo nơi “đất thánh”. Dù sao các cuộc hành hương như thế của các lễ hội nổi tiếng ở nước ta như trẩy hội Chùa Hương, Yên Tử, núi Bà Đen hay đi viếng Bà Chúa Xứ, v.v... cũng tạo nên những hiệu quả tâm lí, nhận thức đôi khi rất khó phân biệt với các cuộc hành hương tôn giáo nói trên.

Nói tóm lại, trong cấu trúc của lễ hội, hai yếu tố “lễ” và “hội” phải là một quan hệ cặp đôi có tính biện chứng, trong đó, phần “lễ” luôn có vai trò căn gốc của nó, điểm xuất phát tinh thần của nó như cha ông ta từng nói có “tích” mới dịch nên “trò”. Trong tám, chín nghìn lễ hội ở nước ta hiện nay, không ai dám chắc tất cả các lễ hội như thế đều đảm bảo nguyên tắc này. Sự “lạm phát” của lễ hội ở nước ta hiện nay bắt đầu từ điểm này mà về nguyên nhân, không có gì khó khăn để nhận thấy.

## **1.2. Ảnh hưởng của vấn đề tâm linh – tôn giáo với lễ hội**

Để hiểu rõ thực chất vấn đề tôn giáo – tâm linh ảnh hưởng đến đời sống lễ hội hiện nay, theo chúng tôi, cần đi ngược lại căn gốc của hai cặp khái niệm: tâm linh và văn hóa tâm linh; tâm linh – tôn giáo. Nếu không hiểu rõ hai khái niệm cơ bản này, chúng ta khó có thể nhận thức được những động thái cơ bản của vấn đề lễ hội hiện nay ở nước ta cũng như nhiều hình thức sinh hoạt tinh thần cộng đồng có liên quan đến tâm linh - tôn giáo.

### **1.2.1 Về khái niệm tâm linh và văn hóa tâm linh**

#### **Thứ nhất, khái niệm “tâm linh”**

Lại một câu chuyện về *tháp Babel*. Những năm gần đây, nói cho đúng là từ thập niên 1990 trở lại đây, từ trong sách vở cho đến đời sống thường nhật, từ “tâm linh” đã trở nên vô cùng quen thuộc, thậm chí nó được dùng nhiều đến mức như một thói quen nhằm chận cũng giống như người Châu Âu thừa nào cũng đã từng dị ứng với từ *modernity*, dù rằng bản thân từ này luôn luôn làm khổ họ và không dứt ra khỏi nó được.

Ở nước ta đến nay cũng đã có nhiều kiểu định nghĩa tâm linh.

Từ những cuốn từ điển mà về mặt từ nguyên, nhiệm vụ của nó phải đem đến cho người đọc những khái niệm cô đọng và bản chất nhất. Nhưng trong không ít những cuốn từ điển gần đây đại loại người ta chỉ có được sự giải thích như sau: “tâm” là trái tim, “linh” là sáng suốt thiêng liêng, “tâm linh” là lòng dạ sáng suốt thiêng liêng.

Dần dần trong các từ điển cũng tiến đến cụm khái niệm gần gũi: *tâm linh, tâm lí, tín ngưỡng, tôn giáo*. Hãy gác sang một bên sự “khác biệt” giữa tín ngưỡng và tôn giáo, định nghĩa khái niệm tôn giáo vốn là một câu chuyện lớn và lâu dài hơn về “tháp Babel” so với việc tìm kiếm định nghĩa khái niệm tâm linh, thì đến nay trong tiếng Việt ta có thể tìm thấy “những định nghĩa tâm linh” theo hai cấp độ sau đây.

Chẳng hạn như Vũ Ngọc Khánh trong cuốn *Tiếp cận kho tàng Folklore Việt Nam*, khi bàn về “tâm thức Việt Nam”, theo tác giả gần như đồng nghĩa với “tâm linh” (siêu trần, có sự can thiệp của một lực lượng linh thiêng hay huyền diệu) và xác định: tâm linh cũng đồng nghĩa với “ý thức, tinh thần, tâm lí, tâm tính, tâm cơ, tâm trí...”. Tác giả cũng cho rằng, tâm linh cũng như tâm thức đều bắt nguồn từ bản tính tư duy của con người. Vì thế, khi tiếp xúc với các sự vật xung quanh đã nảy sinh ra cảm thức, cảm tính tiến tới một cơ cấu tâm thần (hữu thức hoặc vô thức). Cơ cấu tâm thần này là cơ sở cho đức tin, tín ngưỡng, tôn giáo.

*Từ điển tâm lí* của Nguyễn Khắc Viện (Nxb. VHTT, 2001) có nói về chữ “tâm”

(tâm bệnh, tâm thần, tâm căn, tâm cảnh, tâm địa, tâm chất, tâm lực, tâm năng, tâm kịch, tâm pháp, tâm thế, tâm thức và tâm thể). Nhưng rất tiếc Nguyễn Khắc Viện không cho ta nghĩa của hai chữ “tâm linh”. Nhưng qua sự lí giải ở các từ gần gũi tiếp theo thì ông không cho rằng “tâm linh” giống tâm lí.

Gần đây nhất, cuốn sách *Tâm linh Việt Nam* của Nguyễn Duy Hinh (Nxb. Từ điển Bách khoa, 2007), từ này được định nghĩa: “Tâm linh là linh cảm về hiện tượng vô hình có ảnh hưởng đến đời sống con người cảm nhận được qua sống trải nghiệm lâu dài của một cộng đồng người. Linh cảm về cái Thiêng tác động đến sống chết của con người...”.

Một số nhà nghiên cứu khác cũng nghiêng về quan niệm tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong đời sống thường nhật cũng như trong tín ngưỡng tôn giáo. Vì thế tâm linh là cái vô thể trừu tượng, có phần thần bí. Có tác giả còn nói thêm rằng mê tín cũng thuộc về tâm linh nhưng mê tín là hiện tượng mê muội mù quáng của tinh thần, là hiện tượng cực đoan của đời sống tâm linh (đồng cốt, phù phép, uống tàn nhang, đốt vàng mã, v.v...).

Nhiều trí thức trong các tôn giáo cũng không đứng ngoài “cuộc tranh luận” này. Đại Đức Thích Đức Thiện cho rằng: “Nhiều người thường lẫn lộn tôn giáo với *tâm linh*. Tôn giáo có nhiều vấn đề liên quan đến tâm linh, nhưng tâm linh không phải chỉ dính đến tôn giáo. Thí dụ *khả năng ngoại cảm tiên tri* là tâm linh nhưng không phải tôn giáo. Hiện nay tâm linh là đối tượng nghiên cứu của một ngành khoa học, gọi là *khoa học tâm linh*. Khác với các khoa học thường

thức như toán, lí, hóa, sinh, y, dược, v.v... khoa học tâm linh nhiều khi không sử dụng các phép tính, công thức, dụng cụ thí nghiệm mà chỉ nghiên cứu bằng lập luận giả thiết<sup>(2)</sup>.

Những cấp độ “định nghĩa tâm linh” trên đây dù có khác nhau nhưng điểm chung nhất là luôn gắn tâm linh với cái Thiêng. Cái Thiêng (Sacré) là một phát hiện lớn của loài người với ý nghĩa nó là những giá trị thăng hoa của “cái phàm tục trần thế” và từ lâu được coi là tiêu chí quan trọng bậc nhất để nảy sinh tín ngưỡng, tôn giáo. Điều đáng nói là cái Thiêng trong thế giới đương đại như được tái hiện với những sắc thái và giá trị mới.

Có vẻ như bắt đầu từ năm 1930 khi Einstein nói rằng: “Cái đẹp đẽ nhất mà chúng ta trải nghiệm là cái bí ẩn. Đó là cảm thức nền tảng trong cái nôi của nghệ thuật và khoa học chân chính. Người nào không biết đến nó, không còn khả năng ngạc nhiên hay kinh ngạc, người đó coi như đã chết, đã tắt ngọn lửa sống trong mình”<sup>(3)</sup>. Einstein không dùng từ *tâm linh*, nhưng ông cảnh báo cho loài người cần phải biết giữ lấy cho mình “tính thiêng liêng”, “cái bí ẩn”, “cái siêu việt”. Đó là nhận định có tính cách tiên tri bởi vì trong thế giới hiện đại đầy lo âu và biến động hiện nay, con người dường như đã đánh mất “tính thiêng liêng” của chính mình, của đồng loại và của thế giới xung quanh. Việc trở lại với *tính thiêng liêng* mà trong nhiều người được hiểu là tâm linh không chỉ là mối bận tâm của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay mà còn như Malreaux, nhà “tiên tri” của văn hóa hiện đại Pháp đã từng dự báo cuối thế kỉ XX rằng: “thế kỉ

XXI là thế kỉ của tâm linh hoặc sẽ chẳng là gì cả”.

Với những người nghiên cứu về tôn giáo thì tâm linh ngoại cảm, khả năng đặc biệt của con người từ lâu cũng được coi là *cận tôn giáo*. Điều đó có nghĩa là dù bản thân tâm linh tự nó chưa phải là tôn giáo và tín ngưỡng nhưng lại rất gần gũi với các khái niệm này và đôi khi đều là những mối bận tâm lớn của nhân loại khó tách biệt.

Nói những điều này để chúng ta thấy tính phức tạp của một hiện tượng của nhận thức, tâm lí, cảm nghiệm của con người hiện nay. Một mặt, bản thân con người cũng có những thao thức muốn cất nghĩa, muốn hình dung cụ thể trạng thái tâm lí đặc biệt này vì nó đã và đang tỏ ra hết sức cần thiết cho việc lấy lại quân bình trong đời sống đương đại, từ Đông sang Tây dường như đều ở trạng thái “cheo leo giữa hai bản thể”. Mặt khác, trong thực tiễn đời sống nhiều lí do tâm lí và xã hội khác nhau, lại trong văn cảnh thống trị của “kinh tế thị trường”. Việc “sản xuất”, “sử dụng” những giá trị tâm linh đôi khi rất nhiều phiên toái đáng phê phán.

Cũng có người cho rằng các xã hội Châu Á, các dân tộc Phương Đông vốn có truyền thống “hướng nội”, coi trọng các giá trị “minh triết” nên việc “sử dụng” giá trị tâm linh có vẻ thuận lợi mặc dù về mặt định nghĩa nó thì rất rắc rối, đầy mâu thuẫn.

Thực ra trong thế giới Phương Tây cũng không dễ dàng gì phân biệt được

2. Báo *Sức khỏe và Đời sống*, số 27/11/2006.

3. Einstein. *Thế giới như tôi nhìn thấy*, 1930.

các từ: *Spirituel (tâm linh), Religion (tôn giáo) và Mystique (thần bí)*.

Ở Châu Âu Kitô giáo từ thời Trung cổ, từ *spirituel* (tính từ của danh từ quen thuộc *Esprit – tinh thần*) được dùng với nhiều ý nghĩa khá cơ giã cũng giống như từ *tâm linh* trong tiếng Việt: tinh thần, thiêng liêng, linh thiêng, khí thiêng, hồn thiêng, chí khí, v.v... Điều này khiến cho một số tác giả người Công giáo có nhận xét: các từ *tâm linh, tôn giáo, thần bí, v.v...* cũng đã được dùng với rất nhiều ý nghĩa khác nhau và nhiều lúc “hàm hồ” không kém tình trạng dùng từ *tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo* trong tiếng Việt<sup>(4)</sup>.

#### *Thứ hai, khái niệm văn hóa tâm linh*

Như một hệ quả của việc “phục sinh” các từ *tâm linh, nhân văn* ở nước ta từ đầu thập niên 1990 trở lại đây, văn hóa tâm linh cũng là khái niệm được sử dụng ngày một rộng rãi và xem ra chưa có khả năng dừng lại.

Lẽ dĩ nhiên, đời sống tâm linh (bao gồm đời sống tâm thức đặc biệt của mỗi cá nhân, “cận tôn giáo” để chuyển thành *tín ngưỡng, tôn giáo*) gắn bó chặt chẽ nếu không muốn nói cũng là một động lực của văn hóa Việt Nam như khi tác giả Vũ Ngọc Khánh bàn về “tâm thức Việt Nam” (tương đương với ý nghĩa tâm linh) trong cuốn *Tiếp cận kho tàng Folklore Việt Nam*. Chúng tôi cũng nghĩ rằng không thể đặt “đời sống tâm linh” ra khỏi đời sống xã hội cũng như đời sống văn hóa của dân tộc. Nói cách khác, tâm linh cũng là một thành tố của văn hóa dân tộc. Một cuốn sách liên quan đến vấn đề này, cuốn *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* (Nxb. Tp. Hồ Chí Minh 1997) của Trần Ngọc Thêm. Tác giả khi bàn đến vấn đề *cấu trúc của hệ thống văn*

*hóa, đã coi tín ngưỡng (với Việt Nam là tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người) như hình thức tổ chức đời sống cá nhân. Mặc dù không đưa ra “định nghĩa” về tín ngưỡng nhưng tác giả đã rất nhấn mạnh đặc tính của tín ngưỡng là một nhu cầu tinh thần của con người hướng tới cái thiêng liêng cao cả và mầu nhiệm.*

Nhiều tác giả cũng khẳng định tâm linh gắn bó với thuộc tính suy tư của con người và qua thực tiễn của đời sống đã trở thành một thứ “văn hóa tâm linh” trong nền văn hóa nói chung<sup>(5)</sup>. Có người còn mạnh dạn đưa ra những yếu tố cấu thành văn hóa tâm linh trong đó bao gồm phong tục (hôn lễ, tang chế, lễ tiết); lễ hội và tín ngưỡng tôn giáo.

Có điều khi đưa ra các thành tố của “văn hóa tâm linh” rõ ràng còn nhiều vấn đề chưa thể lí giải được. Chẳng hạn trường hợp “thờ cúng tổ tiên” là thí dụ điển hình. Với hiện tượng này hiện nay, trong khi số đông đảo thì coi đó chỉ là “một thứ tín ngưỡng phong tục mang tính đạo lí, mang tính tâm lí uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa”<sup>(6)</sup> và khẳng định đó không phải là một tôn giáo hay mê tín dị đoan, nhưng một vài tác giả đến nay vẫn khẳng định thờ cúng tổ tiên là một đạo, một tôn giáo dân tộc!

Chúng tôi nghĩ rằng, đây là một vấn đề khá phức tạp liên quan đến đánh giá “cấp độ tâm linh” trong hành vi thờ cúng tổ tiên. Chúng ta cũng biết rằng không phải vô cơ mà hàng nghìn năm nay

4. Linh mục Phan Tấn Thành. *Đời sống tâm linh*, Roma, 2001.

5. Nguyễn Đăng Duy. *Văn hóa tâm linh*, 1996.

6. Hoàng Quốc Hải. *Văn hóa phong tục*, Nxb. Phụ nữ, 2007.

trong các giá trị về tinh thần, tâm linh, người Việt cổ cũng đã hình thành những khái niệm về *hồn, vía, phách, v.v...* rất độc đáo, phản ánh những cơ năng của “cuộc sống sau cõi chết” của người Việt Nam. Chúng ta cũng khó có thể rạch ròi nói rằng hành vi thờ cúng tổ tiên chỉ đơn thuần là hành vi nhớ ơn người đã khuất, bởi vì cùng với hành vi đó người ta luôn luôn tâm niệm “đối thoại”, “cầu xin” sự phù hộ độ trì của linh hồn người đã mất. Rất nhiều học giả Phương Tây nổi tiếng ở nước ta trước đây như Cadière, P. Huart, M. Durand, v.v... đã từng đưa ra những phân tích tương tự, có giá trị.

Những giá trị của văn hóa tâm linh còn gắn bó chặt chẽ với giá trị của văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng nhiều khi không thể tách biệt được. Có vẻ như những giá trị văn hóa tâm linh là cái hồn, cốt, là động lực và nhiều khi đồng nhất với văn hóa tôn giáo nói chung. Và như vậy nó cũng không thể chỉ là vấn đề của đời sống cá nhân, càng không phải là phạm trù của tâm lý cá nhân.

Cái hay nhưng cũng là cái phức tạp của việc nhận thức “văn hóa tâm linh” chính là ở chỗ ấy. Hiện nay không chỉ phát triển một cách khá xô bồ những sinh hoạt lễ hội (một bộ phận quan trọng của văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo, dù không phải tất cả các lễ hội đều có *phần lễ* với ý nghĩa tôn giáo) thì những biểu hiện của sinh hoạt tâm linh, của cá nhân, các nhóm xã hội đôi khi cũng có sự lẫn lộn và lạm dụng.

Ở nước ta hiện có tới 8.902 lễ hội, trong đó có hơn 7.000 lễ hội dân gian, 407 lễ hội lịch sử, 1.399 lễ hội tôn giáo và 64 lễ hội văn hóa du lịch, ngày hội văn hóa. Ấy là chưa kể 25 lễ hội “nhập khẩu”

từ nước ngoài. Chỉ cần làm phép tính đơn giản cũng cho thấy một ngày ở nước ta có tới trên 20 lễ hội, không một người nào có “căn đồng” với lễ hội có thể đi lễ xuể. Những sinh hoạt tâm linh như thế lại “liên kết” với những sinh hoạt tôn giáo khiến cho vấn đề càng trở nên đa dạng và phức tạp.

Ngày nay những người đi lễ chùa không chỉ là những người lớn tuổi và phụ nữ mà còn có giới trẻ, học sinh, sinh viên và đặc biệt là tầng lớp doanh nhân, người buôn bán. Một nghiên cứu sinh của *Viện Nghiên cứu Tôn giáo* đã hoàn thành đề tài luận án tiến sĩ “*Điện thờ tư nhân ở Hà Nội*” cho hay, đến nay trong thành phố này đã có khoảng trên 500 điện thờ như thế, có cái giá trị đầu tư hàng tỉ đồng.

Nhu cầu thỏa mãn đời sống tâm linh trong điều kiện cuộc sống đầy lo âu và biến động hiện nay là có thực. Nhưng sự phát triển có tính cách “bùng nổ” và chắc chắn không tránh khỏi sự lợi dụng của kinh tế thị trường và các động cơ tâm lý xã hội phức tạp khác khiến cho vấn đề này khá nổi cộm hiện nay.

### 1.2.2. Về khái niệm tôn giáo - tâm linh

Tôn giáo và “Tâm linh” là những hiện tượng xã hội có tính phổ biến, gắn liền với đời sống của con người và xã hội hàng ngàn năm nay.

Thông thường, thuật ngữ “tín ngưỡng” bao gồm tín ngưỡng tôn giáo và tín ngưỡng dân gian. *Tín ngưỡng tôn giáo* là niềm tin vào lực lượng siêu nhiên theo những nguyên tắc thực hành tôn giáo nhất định. *Tín ngưỡng dân gian* là niềm tin vào thần linh thông qua các lễ nghi mang tính đơn giản, thường gắn liền với

tập tục, thói quen truyền thống; là bộ phận của văn hóa dân gian, phản ánh những ước nguyện tâm linh của con người và cộng đồng. Riêng thuật ngữ “tâm linh”, giới khoa học các nước khác trên thế giới ít sử dụng, nội hàm của thuật ngữ này hoàn toàn chưa rõ; tuy nhiên, ở nước ta thuật ngữ đó lại khá phổ biến trong dân gian. Bước đầu, có thể hiểu “tâm linh” là những trạng thái tâm thức tôn giáo; hoặc có khi được hiểu là ý tưởng của người sống nhớ tới người đã khuất, uống nước nhớ nguồn<sup>(7)</sup>, v.v...

Như đã nói ở phần trên, nhiều hình thái sinh hoạt “tâm linh”, về mặt tôn giáo học, nó được coi như những hình thức “cận tôn giáo”, điều mà trong thế kỉ XXI xem ra ngày càng phổ biến. Vấn đề là ở chỗ, một mặt yếu tố tâm linh có tác động ngày càng lớn đến đời sống tôn giáo hiện nay, nhiều hình thức “tôn giáo mới” ra đời cũng đi từ sự biến động của đời sống tâm linh trong thời đại hiện nay. Mặt khác, đối với vấn đề lễ hội, chính những hình thái cận tôn giáo như thế cũng đã tác động thêm vào đời sống lễ hội.

Ở nước ta không kể hàng nghìn loại hình lễ hội tôn giáo, hàng loạt các lễ hội khác cũng chịu áp lực của quy luật trên hoặc chính con người lợi dụng nó. Lễ hội bùng nổ rầm rộ như thế, đúng là thỏa mãn như cầu “đời sống tâm linh”. Nhưng, như nhận xét của một tác giả: “đáng tiếc là ở nhiều nơi, nhiều khi, lễ và hội – nhất là phần lễ – mang tính tự phát, thiếu định hướng và không được quản lí chu đáo, khiến cho phần lớn các lễ hội nhuộm màu sắc thương mại hóa”<sup>(8)</sup>.

Điều quan trọng là rất nhiều lễ hội lớn nhỏ thường cố ý tạo ra những kịch

bản phục vụ cho quy tắc “có tích mới dịch nên trò”. Chẳng hạn, lễ hội Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh nổi tiếng hiện nay thực ra cũng chỉ có thể dựa trên những lời truyền tụng, rất ít căn cốt lịch sử. Ngay bản “thần tích” chính thức của đền Bà Chúa Kho được biên soạn và đắp nổi hàng chữ “Lê triều chường khố” (nghĩa là coi kho triều vua Lê) cũng gây nhiều tranh cãi. Hàng loạt lễ hội khác liên quan đến đền Bà Chúa Kho ở Giảng Võ, Hà Nội; hàng loạt lễ hội liên quan đến Nguyên phi Ý Lan cho đến hàng loạt lễ vọng liên quan đến đền thờ ông Hoàng Mười, v.v... Cũng không ít lộ ra sự sắp đặt thêm bớt, tăng thêm yếu tố tâm linh - tôn giáo của hội lễ. Đây cũng là vấn đề đặt ra cho công tác quản lí lễ hội: việc xem xét để “công nhận” một lễ hội cũng cần có những quy trình nghiêm ngặt nhất định. Bên cạnh đó, là việc điều hành các lễ hội theo khuynh hướng “sân khấu hóa” đang khá phổ biến hiện nay.

Nói tóm lại, muốn hiểu những vấn đề phức tạp trong chiều hướng phát triển của lễ hội hiện nay ở nước ta, ngoài việc phải đặt nó trong khung cảnh chính trị - xã hội và văn hóa chuyển đổi hiện nay, chúng ta còn phải đi sâu vào những “nguyên lí vận động” của các lễ hội, mà trước hết là sự chi phối của những khái niệm mà chúng tôi đề cập trên đây.

(Kì sau đăng tiếp)

7. Xem: Nguyễn Văn Huyền trong cuốn *Văn minh Việt Nam*, 1994.

8. Xem: Mai Thanh Hải trong cuốn *Tìm hiểu tín ngưỡng truyền thống Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005, tr. 85.